

LUẬN PHÁ TÀ

Thời Tiên Đường, Sa-môn Thích Pháp Lâm ở chùa Tế Pháp soạn.

QUYỂN HẠ

Phó Dịch nói: “Tăng ni từ sáu mươi tuổi trở xuống, chọn lựa khiến về làm dân thì binh lính hùng mạnh, dân chúng đông nhiều”.

Phó Dịch nói: “Chùa nhiều, Tăng chúng đông, tổn phí rất lắm. Chỉ giữ lại chùa nhà, xin cấp cho người cô quạnh, kẻ nghèo khó già nua, người dân không vườn nhà. Nghĩa sĩ có ba vạn hộ, mỗi châu chỉ đặt một chùa nhà tranh thắp đất để an đặt kinh tượng. Sai hai Hồ Tăng truyền bày Hồ pháp”.

Phó Dịch nói: “Người Hồ ở Tây Vực chán ghét bùn đất mà sống, bèn phụng sự ngôi bùn, nay vẫn còn lông tanh hôi, mặt người mà tâm thú, đất kiêu nói người, lừa luy bốn sắc, giống ác tham nghịch. Phật sinh ở phương Tây chẳng phải chánh tộc tại Trung Hoa, bởi tà khí yêu my nên vậy”.

Phó Dịch nói: “Từ Bao Hy trở xuống cả thảy hai mươi chín đời, cha con vua tôi, lập trung hiếu, giữ đạo giữ đức, sinh trưởng tại Thần Châu, được chánh khí Hoa Hạ, mọi người đều thuần phác, vì đời không có Phật nên vậy”.

Phó Dịch nói: “Đế vương không tôn thờ Phật thì bình trị lâu năm, có Phật thì chính sách hung ngược vận ngắn. Từ Bao Hy trở xuống, cả thảy hai mươi chín đời mà không Phật pháp, Quân vương minh triết, bề tôi trung nghĩa, vận nước lâu dài”.

Phó Dịch nói: “Từ khi chưa có Phật pháp trở về trước, nhân dân thuần hòa, ở đời không có hung nghịch”.

Phó Dịch nói: “Phật đến đất Hán, thì có tổn hại, không ích lợi gì”.

Phó Dịch nói: “Ở thời Triệu Kiến Võ (niên hiệu Kiến Võ 317-31- thời Đông Tấn?) có đạo nhân Trương Quang Phản. Ở thời Lương Võ (Võ Đế - Tiêu Diễn 502-550 thời Nam Lương?) có Tăng tên là Quang Phản, hướng gì nay Tăng Ni có hai mươi vạn vị, sớm phải nên xét lợc

phế bỏ”.

Giải đáp về việc xét lọc phế bỏ tăng ni.

Xin đáp: Phạm hình tích dễ xét, mà chân ngụy khó rõ. Nếu chẳng phải ở lâu thì chưa thể biết vậy. Xưa kia, Pháp sư Tuệ Viễn trả lời Thư Hoàn Sơ, nói rằng: “Chỗ Kinh giáo thuật phạm có ba khoa: một là Thiền sư vào nhỏ nhiệm. Hai là đọc tụng đượm vị di điều, ba là tu tạo phước nghiệp”. Nhưng có người tu tạo phước nghiệp mà chẳng vẹn toàn giới cấm, vết tích chẳng phải A-luyện-nhã. Hoặc có người đọc tụng nhiều kinh văn, ngâm vịnh không ngưng nghỉ mà chẳng thể thỏa sững nói nghĩa lý. Hoặc có người tuổi tác lớn lao, tuy ba khoa không có thể ghi nhận mà thể tánh trình chánh chẳng phạm đại tội. Lấy đó mà xét lường thì lấy hay bỏ khó biện rành vậy. Căn cứ kinh Công đức xuất gia nói: “Độ người xuất gia, công đức ưu thắng hơn xây dựng tháp báu cao đến trời Phạm Thiên”. Tại sao? Vì người có khả năng hoằng truyền đạo pháp tự lợi lợi người, nghiêm khiết chính mình lập thân, trú trì Tam bảo, làm bến bờ cho bầy đời tiên tổ, giúp ích nước nhà. Những người có tội, y như pháp buộc tội. Những người không lỗi quá, vì nước nhà mà hành đạo.

Giải đáp về hủy phá chùa chiền để cấp cho dân, an trí tôn tượng nói nhà tranh cỏ.

Xin đáp: Phật pháp lưu truyền đến đất Hán đã hơn năm trăm năm, chùa chiền Tăng Ni nhiều đời đến nay có, khám tháp điện trường đều do đời trước tạo dựng, phòng vũ hiên cửa đều bởi những người có tín tâm làm nên. Hoặc là song thân hiện còn hay đã quá vãng, và cả bảy đời đã qua, mong cầu quả báo ưu thắng trong tương lai, gieo trồng ruộng phước ở hiện tại, đều xuất phát từ tâm tốt kia chẳng phải do Phật tăng dạy tạo. Trong sách nói: “Công thành không phá hủy”. Cho nên Trịnh Tử Sản không phá hủy miếu Ba-di. Phu Tử cho đó là người có đức nhân. Hướng gì Phật là ruộng tốt của ba đời, là cha mẹ của bốn loài chúng sinh. Chỉ khá nên cúng dường chứ không thể phá hủy trừ bỏ. Phật tuy đã thị tịch không còn ở đời, nhưng giao phó cho Nhân Vương. Cúi nghĩ, Bệ hạ tạo lại muôn dân, trùng hưng Phật đạo, tức là Đại Đàn-việt thí chủ của Đức Như Lai. Xin tuân theo mỹ phong của trong niên hiệu Vĩnh Bình (58-76) ở đời vua Minh Đế (Lưu Trang) thời Hậu Hán, gần đây thì đồng như trong khoảng niên hiệu Khai Hoàng (581-601) đời vua Văn Đế (Dương Kiên) thời nhà Tùy.

Giải đáp về người Hồ ở Tây Vực, mặt người tâm thú, tham nghịch hung ác, Phật sinh ở Tây Vực, yêu mỵ tà khí.

Xin đáp: Căn cứ theo sử Ký lịch Đế Vương Kiệt và niên kỷ của Đào Ân Cư v.v... nói: “Dòng họ Bao Hy thân rắn đầu người, dòng họ Đại Đình thân người đầu trâu, dòng họ Nữ Oa cũng thân rắn đầu người, Tần Trọng Diển thân chim mặt người. Hạ Võ sinh từ Đông Di; Văn Vương sinh từ Tây phương. Giản Địch nuốt trứng chim yến mà sinh, Khế Bá Võ mổ lưng mẹ mà sinh, Y Duẫn gả thác từ không tang, Ngụy chúa dòng họ Nguyên cũng sinh từ Di Tịch. Nhưng thấy đều ứng trời rõ mạng ra chấn, động nhân thời vận, hoặc xoay mặt phương Nam tôn xưng riêng lẻ, hoặc là Quân vương đến với muôn nước nhà. Tuy có thể nơi sinh thì hẹp hòi xấu xí, dung mạo quê kệch, mà mỗi mỗi đều có uy vũ của trời, đều nghĩ nhớ được của Thánh. Lão Tử cũng gá từ Mọc mẫu mà sinh. Từ hạ phạm sao được vì chỗ xuất sinh dong ngu hèn tiện mà không Thánh ấy ư? Khổng Tử nói: “Quân tử ở đây thì nơi đó làm gì có bỉ lậu”. Đáng tin thay lời nói ấy vậy! Lại nói thêm: “Có đạo thì tôn quý, đâu kén chọn ở cao thấp”. Nên biết, Thánh ứng vô phương tùy cơ mà thấy. Tim xét tổ tông của Đức Phật Thích-ca vốn là con cháu của ngàn đời làm Chuyển luân vương, là Thái tử của vua thuộc chủng tộc Sát-đế-lợi, mong điếm ấy đến, vật cảm hiện hình. Ra đời ở nơi trung tâm của ba ngàn thế giới. Nước lớn ở cõi Nam diêm-phù-đề, giảng trao giáo pháp thiết bày phương thức, chỉ lấy lợi ích chúng sinh làm gốc. Nếu nói sinh tại Khương Hồ, phát xuất ở Nhung Lỗ bèn là xấu ác, vậy thì Thái Hạo, Văn Mạng đều chẳng phải Thánh nhân; Lão Tử, Văn Vương chẳng đủ đáng bậc Sư kính. Căn cứ Địa Lý Vĩ và Tây Vực truyện nói: “Tây Hồ chỉ là từ thông lãnh trở về phía Đông có ba mươi sáu nước, chẳng liên quan đến đất Phật sinh ở Thiên Trúc”. Nếu biết mà có vọng nói thì có tội gì sâu nặng bằng. Còn nếu không biết mà nói hoảng thì khi chết sẽ mắc ương trái dư thừa.

Giải đáp về Từ Bao Hy trở xuống hai mươi chín đời. Cha con vua tôi lập trung lập hiếu, giữ đạo giữ đức, bẩm nhận chánh khí Hoa Hạ. Xin đáp: Sử ký, các sách Hoài Nam v.v... nói: “Ở thời Hoàng Đế, Si Vương đầu đồng trán sắt làm loạn thiên hạ, cùng Hoàng Đế đánh nhau tại Phản tuyên để lên ngôi vua. Si Vương nghịch mạng lại đánh ở đồng trống Trác lộc trải qua năm mươi hai năm. Ở thời Chuyên Húc lại giết Tam Miêu ở Động đình. Lại nữa, Trưng Trúc Thư của Bành lễ cấp nói: “Thuấn bắt từ Nghiêu ở Bình dương, lấy đó mà lên ngôi vua”. Nay hiện có thành từ Nghiêu. Thuấn lại cùng Hữu Miêu đánh ở bãi Đan thủy. Nghiêu lên bắn chín mặt nhật rơi lông quạ ấy. Sở Tử nói: “Mười ngày thay ra đồng vàng đá vụn, trả lại gió ở Thanh khô, ném rắn đó ở Động đình, giết

bít lộn ở Đại Trạch, giết cửu Anh ở Hung thủy”. Thượng thư nói: “Hồng thủy ngập trời, Hoài sơn tương lừng, dân chúng trở ngại đói khát, trăm họ tối tăm rách nát”. Ở thời nhà Võ, trăm họ mỗi tự giữ tâm mình, mà Bá Cốc Tử trở lui canh cày ở đồng quê. Tam Miêu chẳng tu đức chính. Võ đích thân đánh diệt đó. Quân vương của Hạ Kiệt, bên tả là Hà Tế, bên hữu là Thái Hoa, Cung Khuyết ấy tại phía Nam đó, ruột dê lưng ở phía Bắc, đốt Hoàng Đồ, giết Long Phùng, bắt tù Thành Thang, phóng tủng Mạt Hỷ, tu chính bất nhân. Thang phóng diệt đó. Thang có chín lần chinh chiến trải suốt hai mươi bảy trận, đại hạn bảy năm, sông hồ khô cạn, vàng tiêu đá cháy. Cao Tông đánh quỷ mới ba năm. Ân Trụ thương xót mê hoặc Đắc Kỷ, phóng tủng hại của mười ác, buông tuồng tội hình năm ngược, phanh tim người hiền, mổ bụng phụ nữ mang thai, bắt tù Văn Vương, cấu Cơ Tử. Chu Võ Vương đánh Trụ ở Mục dã, máu chảy nổi chày vôi; giết đó ở Lộc đài. Vương Thân bắn trụ, thân treo đầu cờ Thái bạch, mà Di Tê chẳng phải đó, chẳng ăn thóc gạo ấy. Khổng Tử nói: “Võ rất mực đẹp vậy, nhưng chưa thật sự khéo hay”. Ở đời Võ Vương có ba lần giám sát làm loạn. Đến đời Thành Vương, Tam Thúc lưu lại tiếng Tuyên Vương sáu tháng ra chinh chiến. Thi nói: “Mênh mông đánh Hiểm Duẩn, phía Tây có hoạn còn Di, Thế Ba lại nói Tuyên Vương chinh chiến phương Nam”. Như vậy xin đáp rằng, điều nói trên đây đều là từ Tam Hoàng trở xuống đến thời Tam Vương, hẳn hay giữ đạo giữ đức nghi trung kính hiếu. Bấy giờ không có Phật, đủ có thể thanh bình, cơ sao đời đời dấy động binh đao không dứt, đến nỗi để lại độc hại trăm họ ương lụy đến những kẻ không tội? Mới là đời của Diêu Thạch Mộ Dung vĩnh gia đâu có thể gọi là thời thên thang vô vi ư? Thấy mất một lời nói sao sai nhầm vậy!

Giải đáp từ Tần Trọng trở xuống ba mươi lăm đời có hơn sáu trăm năm.

Xin đáp rằng: Theo Sử ký nói, từ thời nhà Ân trở xuống, chư hầu không thể được mà niên phổ, phần nhiều vì mất thứ tự v.v... niên đại khó biết. Nên Thượng thư chỉ lấy Giáp tý làm thứ tự mà không có năm tháng, do vì sử khuyết không ghi nhớ vậy. Tà kiến mới nói từ Tần Trọng trở xuống đến hai đời có hơn sáu trăm năm. Một thoáng qua đi tự như lâu dài, nhưng lấy đâu làm minh chứng? Xét từ thời Xuân Thu, Tần tuy dẫn xưng bá nhưng chỉ là một ấp nhỏ của Chu. Ở đời Hiếu Vương, bảo Phi Tử phóng ngựa ở khoảng Thiên vị, chẳng vâng thừa thiên mạng chưa có ngày mồng một tháng giêng. Tầng tôn của Tần Trọng là Tuyên Vương mới nhận xe ngựa làm bề tôi thị ngự. Cháu của Trọng là Tương

Công dùng tiến đưa Bình dương chuyển dời đến phương Đông tấn tước làm bá. Từ Văn Công trở xuống mới thấy sử ký, từ đó đã diệt mất chẳng quá hơn hai trăm năm. Sử Ký trúc thư và niên kỷ của Đào Công v.v... đều nói Tần không có lịch số, làm bồi thần của thời nhà Chu, nên ẩn cư xếp đặt tại dưới chư hầu, nhân gì đặt có một trăm lẻ một năm trọn ở hai đời. Giả sử như có niên đại đều phụ ở Xuân Thu, không có tự ghi riêng. Đến cuối đời Noãn Vương, thì Chiêu Tương Vương của Tần, nhân nhà Chu dần suy yếu mới đánh diệt nước Chu, tiến hiệu xưng vương. Các sử ghi lại thì nhà Tần chỉ được năm đời, cả thấy có bốn mươi chín năm. Theo sử mục của Bí thư Dương Bân thời nhà Tề nói, nhà Tần từ Thủy Phong đến lúc diệt mất có ba mươi lăm đời, cả thấy hơn sáu trăm năm. Bởi lấy Thủy Phong làm hiệu của Tần trải qua hơn sáu trăm năm, chẳng phải bá thống Trung Quốc trải qua nhiều năm vậy. Tà kiến mới kéo dài vận ngắn nhà Tần mạo phạm dài năm trên. Cớ sao hư vọng vậy?

Giải đáp về Đế vương không tin Phật thì bình trị lâu dài, có Phật thì chính sách hung ngược, vận ngắn. Từ Bao Hy trở xuống cho đến Hán Cao, cả thấy hai mươi chín đời, Quân vương minh triết, bề tôi đều trung nghĩa.

Xin đáp rằng: Cớ sao Bao Hy riêng bình trị chẳng đến đời con cháu? Nghiêu Thuấn hai vua ở ngôi chỉ năm đời. Nghiêu thì giúp Thiệu truyền Thánh, Thuấn thì đức nhân lớn Thánh minh. Như điển luận của Thượng thư thì cảm hóa nhân dân trị đạo ấy công nghiệp rất cao. Dân không thể gọi tên thì đó là minh quân của trời. Nghiêu lại phế diệt anh mà tự lập đứa con, tức Đan Chu lại là bất hiếu. Thuấn thì cha ngu mẹ dối, đều chỉ một thân mình chẳng thể kịp nối dõi. Bấy giờ không có Phật, sao chẳng đời đời tương truyền, sớm vội tuyệt mất?

Theo niên kỷ của Ân Cư nói: Hạ Võ bình trị năm năm, Nghệ Toản mười lăm năm, Trác Toản mười hai năm, Hạ Cao mười một năm, Hạ Quý năm mươi hai năm. Lại xin đáp rằng, sách nói: Thuấn Võ có được thiên hạ, cao vội thay ấy có được thành công, sáng rỡ thay ấy có được văn chương! Đại Võ Mô nói rằng: Võ hay ở cung thấp hèn ăn rau phỉ, quần mặc khăn đen đai mũ mà dốc sức tạo ngôi rảnh, vì dân mà cấp nước, đối với dân rất có công. Nếu Hoàng Thiên phụ đức cố sau vận trời chẳng lâu dài, trị vì chỉ chín năm? Khâm niên kỷ nói: Hạ hậu tướng và đời của Thiệu Khương, bề tôi ấy có cùng Nghệ, Toản, Trác và Phong Di, Hoài Di, Hoàng Di, Châm Tâm v.v... các nước đều cùng lần lượt làm loạn. Cả thấy hai mươi sáu năm Toản Hạ tự lập, bấy giờ không có Phật, Toản phản nghịch do ai? Ân Thang trị vì (mười ba năm),

Ngoại Đinh trị vì (ba năm), Trọng Nhâm trị vì (bốn năm), Thái Giáp trị vì (mười năm), Yêu Đinh trị vì (mười ba năm), Thái Mậu trị vì (mười năm), Ngoại Nhâm trị vì (ba năm), Yêu Giáp trị vì (bốn năm), Tổ Canh trị vì (bảy năm), Tổ Ất trị vì (mười năm). Lại xin đáp rằng: vua Thang Đức Nhân không giết hại, mở lưới ba mặt, phóng thả Hạ Kiệt ở Minh Điều, rất có nhân đức. Bấy giờ không có Phật cơ sao lịch trời chẳng dài? Ngoại Đinh, Ngoại Nhâm năm vận chuyển ngắn? Thượng Thư nói: Thang hành chín đời, Thái Giáp năm chinh chiến, Y Duẫn lập thang, thứ tử là Thắng lại lập. Em của Thắng là Trọng Nhâm lại phóng thả Thái Giáp tiến lưới xuất thân giết Y Duẫn mà dùng con ấy. Đã xưng là đời Trung Phác, bấy giờ không có Phật, cơ sao chồng chất nổi tiêu tường, vua tôi vô đạo? Chu Võ Vương trị vì (mười một năm), Ý Vương trị vì (ba năm tuyệt tự), Hy Vương trị vì (năm năm tuyệt tự), Khoảnh Vương trị vì (sáu năm), Nguyên Vương trị vì (tám năm), Điệu Vương trị vì (một trăm lẻ một ngày), Ai Vương trị vì (ba tháng), Tư Vương trị vì (năm tháng). Lại xin đáp rằng: Võ Vương đánh quân Trụ, vượt qua Mạnh Tân, cá trắng vào thuyền ứng mạng trời vui. Thụy Pháp nói: khắc định họa hoạn gọi là Võ, dân nhờ sống lại tựa cổng bít mộ, thôi trâu thả ngựa bình trị cuối cùng thái bình. Ông nói người Phật thì bình trị năm tháng lâu dài, cơ sao vận ngắn? Võ Vương trị vì chỉ được mười một năm, Ý Vương, Hy Vương lại là tuyệt tự không ai nối dõi?

Giải đáp về trước khi Phật chưa đản sinh ở đời không có sám nghịch.

Xin đáp rằng: Cơ sao em của Chu Liệt Vương là Hiến Vương soán vị bốn mươi tám năm? Điệu Vương ở ngôi chỉ được một trăm lẻ một ngày, bị con của em kế làm hại. Em của Kính Vương là Ai Vương trị vì chỉ được ba tháng, Tư Vương giết Ai Vương trị vì được năm tháng, em út là Khảo Vương lại giết Tư Vương. Cả ba vua cùng ở ngôi trị vì chỉ được một năm. Rút từ sử mục của Dương Bàn, Niên kỷ của Đào Công, thì nhà Tần có được năm đời sáu vua, cả thảy bốn mươi chín năm. Chiêu Vương trị vì năm năm (sau khi diệt nhà Chu mới xưng Vương, ở ngôi năm năm), Hiếu Văn Vương - Thức (một năm), Tương Vương - Sở (ba năm), Thủy Hoàng - Chính (ba mươi bảy năm), Hồ Lợi (ba năm), Sương Vương - Tử Anh (bốn mươi sáu ngày). Lại xin đáp rằng: Chu Hiến Vương năm năm, Tần Mục Công mới xưng bá ba mươi bốn năm, Tần cầm quyền Chu Chính, Tần là cướp vua, chẳng y cứ Đức Chính, thứ lớp chẳng ở hạn ngũ vận, phóng túa năm lâu dài trọn chẳng phải Đế vương, lấy ngắn làm dài, chỉ hư làm thật. Thời nhà Tần phía Bắc xây

dựng trường thành hoàn bị, người Hồ Ngụy giết nâng đỡ sống nấn lập hai đời, Trần Thăng Nghị nhóm tụ làm loạn tại phía đông ải. Thời nhà Hán, Hung Nô vào ranh giới, đốt lửa chiếu sáng cung Cam tuyền, Nam Việt không khách mới tập thủy chiến.

Thời nhà Hán vua Cao Tổ ở ngôi được mười hai năm, vua Huệ Đế bảy năm. Vua Huệ Đế là con thứ tư của Cao Tổ (chẳng phải dòng đích), vua Võ Đế vốn là con thứ sáu của Giao Đông Vương Cảnh Đế (chẳng phải dòng đích). Ở thời Hiếu Cảnh Đế, Ngô, Việt, v.v... bảy nước đều phản, vua Chiêu Đế băng hà lập con của anh là Xương Ấp Vương lên ngôi được hai mươi bảy ngày mà có đủ một ngàn một trăm hai mươi bảy tội, Hoắc Xoang phế diệt đó, sau lập vua Tuyên Đế. Bảy giờ không có Phật, cơ sao lại như vậy?

Thời Hậu Hán có được mười hai đời vua với thời gian một trăm chín mươi lăm năm. Vua Quang Võ (ba mươi ba năm), vua Hiếu Minh (mười tám năm), vua Chương Đế (mười ba năm), vua Hòa Đế (mười bảy năm), vua An Đế (mười bảy năm), vua Thuận Đế (mười chín năm), vua Hoàn Đế (hai mươi một năm), vua Linh Đế (ba mươi một năm), vua Kiến Đế (ba mươi năm). Ấn Cư nói, từ năm Hoàng Sơ thứ nhất (220) thời Tiền Ngụy đến cuối đời Tiêu Tề, có cả thảy hai trăm răm mươi hai năm.

Trong thời Nguyên Ngụy, dòng họ Thác Bạt có mười bảy đời vua với thời gian một trăm bảy mươi chín năm (386-556). Lúc ấy có Phật giáo hoàng truyền đến, cơ sao lâu dài như vậy? Xin đáp rằng: Theo Hậu Hán thư nói: Quang Võ đánh loạn phản chánh, vua Minh Đế trị vì thăng bình. Dân không âu lo trăm dặm, quan lại không ra làm việc ngoài cửa. Kỳ Lân vào trong vương, chim phụng thần đậu cây ngô đồng, chim sê sắc đỏ, văn rùa, quạ biển, nai trắng, điềm vui mừng đến đủ, muôn dân thỏa thích, duỗi ban ân dầy đặc trơn nhẵn, trái đượm thắm dầy nổi khắp trời. Mọi nơi thắm đượm mỹ hóa, muôn nước khâm trọng thuần phong. Các sách luận hành v.v... đều nói: Hậu Hán ứng hiện điềm lành chẳng hổ thẹn thời Chu Hạ. Ông nói: có Phật vận ngấn, cơ sao đây năm tháng lâu dài vậy?

Phó Dịch nói: Người Hồ Tây Vực, binh lính nước Đan Mạt có ba trăm hai mươi người, binh lính nước Tiểu Uyển có ba trăm người, binh lính nước Nhung Lô có ba trăm người, binh lính nước Cự Lặc có ba trăm người, binh lính nước Y Nại có ba trăm năm mươi người, binh lính nước Cô Hồ có bốn mươi lăm người. Cả thảy binh lính Hồ của tám nước có một ngàn tám trăm chín mươi một người đều được tiếp nối vương ng-

hiệp của họ và chiếm cứ thổ địa ấy, tự cùng chinh chiến đánh giết nước người. Huống hồ nay tại Đại Đường chúng ta, Tăng ni có cả hai mươi vạn chúng cùng kết pháp Hồ, đủ được tâm người, sao có thể chẳng dự bị đó ư?

Xin đáp rằng: Xét Hán Thư và Tây Vực truyện nói: Các nước Đán Mạt, Tiểu Uyển v.v... cả tám nước đều thuộc từ Thông lãnh trở về phía Đông. Ranh giới nước Hán nước Hồ tính cách Trường an chẳng quá muôn dặm, vốn chẳng phải nơi chốn Thiên Trúc Phật sinh. Lại người có Tăng ni ở trong đó mưu phản, giả sử kia có tạo ác thì đâu có liên quan gì chư tăng ở đây? Chỉ bởi Phó Dịch quỷ cuồng nhập tâm, ngoài dấy tà thuyết, dối dẫn việc xưa, mượn để phỉ báng bậc hiền ngày nay. Người thấu đạt biết đó là nơi hoảng, kẻ ngu hãn sinh dị kiến, dối hoặc gây loạn triều đình đến thôn dã, thật đau xót thay!

Giải đáp về Phật pháp lưu truyền đến đất Hán, chỉ có tổn hại, không ích lợi gì, vào nhà phá nhà, vào nước phá nước. Ở đời vua Minh Đế (Lưu Trang 58-76) thời Hậu Hán, Phật pháp mới lưu truyền đến, Đại Đường Thánh triều, chánh tín quân tử. Luận rằng: Chư Phật là Bậc Đại nhân cao sĩ xuất tục, vân du nơi diệu uyển Niết-bàn, trú ở chân không Bát-nhã, không thể dùng ngôn từ hình tượng mà tìm cầu, không thể dùng tình ý suy tính lường đạt, hình tướng đồng với pháp tánh, thọ mạng ngang bằng Thái Hư, chỉ ứng vật hiện thân, chư tăng trong nước. Do đó, Đại sư Cù Đàm hiện dung mạo ba thước, các A-la-hán trông thấy là hình dáng cao trượng sáu, lớn dày hư không, nhỏ vào tơ tóc, tùy duyên ứng hiện hình chất, biến hóa dung nghi thẳng thường. Tìm về mới đầu của Đức Phật Thích-ca, thì y cứ Hậu Hán giao ký, các sách của Tấn Ngụy, cho đến Sử lục của Vương Kiệm, Tam Bảo Lục của Phí Trường Phòng, kiểm xét các kinh Phổ Diệu Bản Hạnh v.v... đều nói: Đức Phật Thích-ca vào ngày mồng tám tháng tư năm Quý tỵ tức đời vua Trang Vương năm thứ chín là chủ thứ mười bốn thời nhà Chu. Dưới lầu các chiên đàn hiện hình bạch tượng từ cung trời Đâu Suất giáng xuống bào thai Thánh mẫu Ma-da phu nhân thứ nhất của Đại vương Tịnh Phạn, thuộc chủng tộc Sát-đế-lợi ở thành Ca-tỳ-la nước Trung Thiên Trúc. Đến đêm mồng tám tháng tư năm Giáp ngọ, tức năm thứ mười của đời vua Trang Vương vừa lúc quỷ tức hợp thời, ở dưới cây Ba-la trong vườn Lâm-tỳ-ni, từ hông phía hữu của phu nhân Ma-da mà đản sinh, phóng ánh sáng lớn chiếu khắp ba ngàn thế giới. Theo kinh Ứng Thụy nói: “Lúc sao Phất xuất hiện thì Thái tử sinh”. Kinh Bản Hạnh lại nói: “Giữa hư không chẳng có mây tự nhiên đổ mưa”. Tả truyện nói: “Sao rơi như

mưa đổ”. Đổ thị chú giải là bởi vì lúc ấy không mây, nhưng cùng kinh Phật phù hợp. Các bậc thông Nho cho đó là lúc Phật đản sinh vậy. Năm mười chín tuổi xuất gia, năm ba mươi tuổi thành đạo, suốt bốn mươi chín năm ở đời giảng nói giáo Phật, làm lợi ích trời người, độ thoát các loài quần sinh. Đến cuối đêm Rằm tháng hai năm Nhâm tý, tức năm thứ mười bốn của đời vua Khuông Vương thời nhà Chu, ở tại thành Câu-thi, Đức Phật nhập Niết-bàn. Từ khi Đức Phật nhập Niết-bàn đến nay là năm Nhâm ngọ (622), tức năm Vô Đức thứ năm thời Đại Đường, tính ra là đã một ngàn hai trăm hai mươi mốt năm vậy. Sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn một trăm mười sáu năm, tại nước Đông Thiên Trúc có vua A-dục gom thâu xá lợi của Phật rồi sai sử quỳ binh ban trải xây dựng tám vạn bốn ngàn tháp báu khắp cõi Diêm-phù-đề, trong chín châu ở đất Hán chúng ta đều có tháp báu.

Lúc xây dựng tháp báu tức năm Đinh mùi, tương đương với năm thứ hai mươi sáu của đời vua Kính Vương (Cơ Cái 519-476 trước Tây Lịch) thời Đông Chu. Qua sau mười hai đời vua, đến năm thứ ba mươi tư của đời Tần Thủy Hoàng (Doanh Chính 246-209 trước Tây lịch) thiêu hủy sách vở, các tháp của vua A-dục tạo dựng nhân đó mà ẩn mất, kinh truyện nhà Phật chẳng biết ở đâu. Như kinh lục của Sa-môn Thích Đạo An, Chu Sĩ Hành v.v... nói: “Ở thời Thủy Hoàng, có Sa-môn Thích Lợi Phòng v.v... cả thầy mười tám hiền giả người ngoại quốc mang kinh Phật đến cảm hóa Thủy Hoàng, Thủy Hoàng chẳng nghe theo, bèn bắt giam cấm Sa-môn Thích Lợi Phòng v.v... Vào đêm tối có Thần Kim Cang cao lớn trượng sáu đến phá ngục dẫn đưa ra. Thủy Hoàng kinh sợ cúi đầu xin tạ tội vậy.

Thử hỏi, tuy có thuyết ấy nhưng niên kỷ không biết, vậy lấy gì làm chứng? Xin trình bày giải quyết việc ấy vậy? Xin đáp: Theo truyện của Đô thủy sử giả quang lục đại phu Lưu Hưởng ở đời vua Thành Đế (Lưu Ngao 32-06 trước Tây Lịch) thời Tây Hán, nói: Lưu Hưởng rộng xem sách sử, đọc các kinh sách, thường tự xưng rằng: “Tôi tìm khắp các điển sách, thường luôn thấy có kinh Phật”. Đến lúc trước thuật Liệt Tiên truyện, lại nói: “Tôi tìm kiếm tạng thư, xa tầm Thái sử mới đầu soạn thuật Liệt Tiên Đồ, từ thời Hoàng Đế trở xuống sáu đời mãi đến nay, chứng đắc Tiên Đạo có hơn bảy trăm người”. Lưu Hưởng kiểm xét lại thử là hư hay thật thì đoán định được một trăm bốn mươi sáu người. Lại nói: “Trong đó có bảy mươi bốn người đã thấy kinh Phật vậy?” Suy luận Lưu Hưởng nói Tạng thư tức là Tạng thư của nhân gian ở thời Thủy Hoàng vậy. Hoặc có thuyết nói là sách cất chứa trong nhà Phu Tử

vậy. Căn cứ đó mà luận, há chẳng phải từ thời nhà Tần nhà Hán trở về trước sớm đã có Phật pháp lưu truyền đến Chấn Đán ư? Tìm xem Thích Đạo An biên ghi về bảy mươi hai hiền giả, cũng tại số bảy mươi hai, nay Liệt Tiên Truyện thấy có bảy mươi hai người vậy. Căn cứ theo kinh Văn-thù-sư-lợi Bát Niết-bàn nói: “Sau khi Đức Phật diệt độ bốn trăm năm mươi năm, Bồ-tát Văn-thù đến trong núi Tuyết vì năm trăm Tiên nhân giảng nói mười hai bộ loại kinh giáo xong thì trở về lại bản xứ mà nhập Niết-bàn”. Điều ứng Hằng tinh tức thời ấy vậy. Kiểm địa lý chí Tây Vực truyện nói: Núi Tuyết tức là thông lãnh vậy, phía dưới đó có ba mươi sáu nước trước kia đến phụng cống nhà Hán. Vì tự Thông lãnh có nhiều tuyết nên gọi là núi Tuyết. Bồ-tát Văn-thù đến đó giáo hóa Tiên nhân tức là xứ ấy vậy. Rõ ràng mà nghiệm đó thì điều luận bàn của Lưu Hưởng có thể làm chứng nghiệm ấy. Tuy gặp ở thời nhà Tần thiêu đốt phá trừ, đến thời nhà Hán phục hưng trở lại, do đó có những nơi như Kinh Dương, Ngô, Thục, Phù Phong, Lạc Dương, nơi có tháp báu đều phát điếm ứng thần dị có nói đủ trong các sách, chẳng phải tự ước đoán mà nói vậy.

Nên biết, ở thời nhà Chu, Phật pháp lưu truyền đến đã lâu, sinh dưỡng con người vậy. Vậy mà nói có Phật thì thời vận ngắn ngủi, thì thật đáng thương thay! Y cứ theo kinh luật nói chánh pháp có cả vạn năm. Trong khoảng năm ngàn năm trở lại, bốn chúng tu học đắc Tam đạt trí, chướng Tử Thánh quả; đến thời Mạt pháp trở đi, còn có đắp mặc pháp ca-sa. Khám xét Chu Thư Dị Ký nói: Vua Mạc Vương nghe phương Tây có Phật, bèn cưỡi ngựa hoa lưu tám vó đi đến phương Tây tìm cầu Phật, nhân đó mà cầu đảo. Căn cứ đó mà suy luận, đồng như Pháp sư Thượng Thống ở thời nhà Tề trả lời với sứ Cao Ly rằng: Phật sinh năm Giáp dần, tức năm thứ hai mươi tư đời vua Chiêu Vương (Cơ hạ 1000-976 trước Tây lịch), là Chúa thứ năm thời nhà Chu. Đến nay năm Võ Đức thứ năm (622) thời Tiền Đường, tức đã một ngàn năm trăm bảy mươi bảy năm. Tin chắc ở đời vua Mục Vương, giáo pháp đã lưu truyền đến phương Đông. Lời Lưu Hưởng nói càng được rõ ràng hơn. Lại nữa, Hán Võ đến giám sát Hồ Côn Minh, có được than đen, bèn hỏi Đông Phương Sóc. Đông Phương Sóc đáp: “Điều đó chẳng phải chỗ biết của thần, có thể nên hỏi người Hồ ở Tây Vực”.

Về sau Sa-môn Trúc Pháp Lan người ngoại quốc đến, nhân đem việc ấy hỏi, Sa-môn Trúc Pháp Lan đáp: “Đó là than thừa lại của kiếp thiêu vậy”. Đông Phương Sóc đã là bậc bác thức thông huyền, vừa mới sinh đã hiểu biết, tài tuấn khác lạ, không điều gì hỏi mà chẳng đối. Bởi

là Đông Phương Sóc từ lâu đã biết Phật pháp hưng hành, Thánh nhân hẳn ứng giáng, nên mới đáp lời như thế vậy. Sau khi Đức Phật đã nhập Niết-bàn, Tôn giả A-nan là bậc Tổng trì một chữ không để sót mất. Tôn giả Đại Ca-diếp kết tập pháp tạng, ngàn vị La-hán đều ghi ở giấy da, đồng đề ở lá cây, đến nỗi khiến muôn dân trong năm trăm nước mỗi mỗi đều cùng phụng trì, mười sáu vị Đại vương đồng thời xây dựng tháp. Mãi đến thời nhà Hán lưu truyền đến phương Đông, ở hai Kinh đô trải qua mười sáu đời Đế vương, phiên dịch Phạm Bản của người Hồ thành ngôn ngữ chánh của nước Hán, tương tiếp thừa truyền đến nay đã qua sáu trăm năm vậy. Do đó, Phật nhật lại tỏa sáng, phát khởi từ đầu niên hiệu Vĩnh Bình (58-76) thời Đông Hán. Kinh tượng được trùng hưng bắt đầu từ trong niên hiệu Khai Hoàng (581-601) thời nhà Tùy. Chu Sĩ Hành, Sa-môn Vệ Đạo An v.v... người thời nhà Ngụy đều làm ký lục, gồm tất cả các hàng đạo tục vừa Hoa vừa Nhung có một trăm tám mươi hai vị. Phiên dịch các thứ kinh luật giới luận, tam tạng Đại Tiểu thừa, tạp ký v.v..., có cả thảy hai ngàn một trăm bảy mươi mốt thứ, tổng cộng có tám ngàn bốn trăm bốn mươi sáu quyển. Không gì chẳng rười Cam lồ nơi cảnh của tám ma, lưu tỏa tuệ nhật trong ba cõi. Dẫn dắt tương lai, mãi truyền thảng nghiệp, dạy người bỏ ác làm lành, Phật pháp là trước tiên, ích nước lợi người không ai có thể kịp.

Nay ông nói Phật giáo phá nhà, vậy phá nhà ai? Phá nước thì phá nước nào? Tà kiến cứng chắc nơi ông, loài súc sinh không sừng, xưa trước kết tâm lang soái, từng ôm hoài trùng độc, không một mảy may hiền thiện, mang tội chồng chất tội núi, nuôi lớn việc ác không chừa đổi mà càng dốc sức, mới lấy lo toan của sinh manh, thổn thức lưỡng gạc Thánh Tôn, đâu khác gì Xích yển cười Đại bàn, ếch ngồi đáy giếng đâu biết bể cả mệnh mông? Có thể gọi là Xiển đề nghịch gieo tội nhân địa ngục! Nay vì tổn thương mà xót xa đó, nên mới luận bàn vậy!

Xa tìm về bảy mươi hai quân vương, Tam hoàng Ngũ đế, Khổng Khâu, Lý Lão là các bậc Thánh hiền của đất Hán, không ai chẳng vùi cốt nơi ba suối, vung thân ở chín cõi, chưa ai có được như xá lợi của Phật hiện điềm lành tỏa phóng ánh sáng, lửa đốt không cháy, dùi đánh không vỡ. Đến nay hiện còn lập thử, đó đáng rõ ràng vậy. Tạm y cứ một điều ấy đủ để biết sức thần đức của Phật pháp. Các bậc Thánh ở Chấn đán ai cùng đồng vậy, mới muốn phá hủy diệt trừ đó? Sự việc khó thể dung thứ nhẫn nhịn. Tổn thương Di phong, bại hoại mỹ tục, hư khuyết ruộng phước, cuồng hoặc dân chúng, vấy dơ triều đình, thật đáng than vậy!

Sa-môn An Thế Cao phiên dịch (176 bộ), Sa-môn Cưu-ma-la-thập phiên dịch (9- bộ), Sa-môn Vệ Đạo An phiên dịch (mười bốn bộ), Sa-môn Nghiệp Phật Điều phiên dịch (bảy bộ), Sa-môn Bảo Xương phiên dịch (Chúng kinh mục lục bốn quyển, phiên dịch một ngàn bốn trăm ba mươi ba bộ), Chi Khiêm người thời nhà Ngô phiên dịch (một trăm hai mươi chín bộ), Nhiếp Thừa Viễn người thời nhà Tấn phiên dịch (ba bộ), Nhiếp Đạo Chân người thời nhà Tấn phiên dịch (năm mươi bốn bộ), Tạ Linh Vận người thời nhà Tống phiên dịch (kinh Niết-bàn ba mươi sáu quyển), Trử Cừ Kinh Thanh người ở Dương Hầu; Lương An phiên dịch (ba mươi lăm bộ), Kỳ Thành quận thú Dương Diển người thời Nguyên Ngụy phiên dịch (một bộ), Lý Khuyếch người thời Nguyên Ngụy soạn (Chúng kinh mục lục bốn trăm bảy chục bộ), Vạn Thiên Ý người thời nhà Ngụy phiên dịch (một bộ), Tề Cảnh Lăng Văn Tuyên Vương Tiêu Tử Lương phiên dịch (mười bảy bộ), Thường thị Sưu Hiệt người thời nhà Tề phiên dịch (một bộ), Mộc Đạo Hiền người thời nhà Lương phiên dịch (một bộ), vua Võ Đế (Tiêu Diển 502-550) thời Nam Lương chú giải (kinh Đại Phẩm năm mươi quyển); Viên Đàm Duẩn người thời nhà Lương soạn thuật (Luận sao một bộ), vua Giản Văn Đế (Tiêu Cương 550-551) thời Nam Lương soạn thuật (Pháp Tập ký một bộ, hai trăm quyển), Lương Ký Thất Ngô Hiếu Kính Nội yếu (một bộ), Dương Xuyên quận thú Đàm Pháp Trí người thời nhà Tùy phiên dịch (một bộ). Đó là những vị từ xưa đến nay phiên dịch Kinh giáo.

Lâm Xuyên Khương Vương Nghĩa Khánh, người thời nhà Tống soạn thuật (Tuyên Nghiệm Ký một bộ, lại soạn U Minh Lục một bộ), Vương Diễm ở Thái Nguyên soạn thuật (Minh Tường Ký một bộ), Lang Da Vương Cân soạn thuật (Tăng Sử), Tề Cảnh Lăng văn Tuyên Vương (soạn Tam bảo Ký truyện một bộ), Thứ Tác Bùi Tử Dã người thời nhà Tề soạn thuật (Cao Tăng truyện), Lưu Tuấn ở Hoài Nam soạn thuật (Ích Bộ tự ký), Trung thư lệnh Khích Cảnh Hưng thời nhà Tấn soạn thuật (Đông Sơn tăng truyện), Trung thư lệnh Lục Minh Hà soạn thuật (Sa-môn truyện), Trị trung Hình Hiếu Tú soạn thuật (Lô Sơn tăng truyện), Vương Diên Tú ở Thái Nguyên soạn thuật (Cảm Ứng truyện), Thù Quân Đài ở Ngô Hưng soạn thuật (Trưng Ứng truyện), Trung thư thị lang Can Bảo thời nhà Tấn soạn thuật (Sưu Thần Lục); Bành Trạch, Lệnh Đào Nguyên Lương soạn thuật (Sưu Thần Lục), Đạo sĩ Đào Ân Cư soạn thuật (Phát Bồ-đề tâm lễ Phật văn), Đạo sĩ Lục Tu Tĩnh soạn thuật (Đối Sa-môn ký), Quang Lục Nhan Diên Chi soạn thuật (Đình Cật văn), Ấn sĩ Chu Ngung ở thời nhà Tề soạn thuật (Tam Tông Nhị đế luận), Nghi

Đồng Chân Loan người thời nhà Tùy soạn thuật (Tam Bảo Lục).

Trên đây là những bậc Quân tử bác thông, Vương Công Thức lượng từ xưa đến nay tôn kính Tam bảo soạn thuật Sa-môn Ký Truyện đó. Vậy xin đáp rằng: Những bậc tiên hiền ấy thấy đều phiên dịch kinh Phật, soạn thuật mục lục ký truyện, đều tâm học rốt cùng, cứu xét tinh tường nội ngoại giáo điển. Thật đáng là bậc lông mày trắng trong kẻ tăng người tục, đứng đầu trong các hàng anh tài, đều tuân kính Tam bảo, nghiên tâm đượm vị nhất thừa, xả bỏ tục lụy, xa lìa vinh hoa, khâm trọng tiếp thừa khuôn vết ưu thắng. Bằng đẳng tà kiến một miệng không luận, một người không nói, rất quá khổ khắc, phá hủy phỉ báng ngôn ngữ kẻ độc tàn khốc, tự giữ ánh lửa đom đóm, muốn trải cánh ruồi muỗi, nào khác gì biết đầu cuối tháng của Triều Khuẩn, mờ tối Xuân Thu của loài ve sấu, tin nó trông nhìn qua lỗ hồng mà khinh thường đại đạo. Quân tử thông bác kiểm xét nội ngoại điển tịch, làm sáng tỏ tội của người tà kiến sai lầm dối vọng.

Nếu nói Phật pháp lưu truyền đến đất Hán không ích lợi cho đời, thì xin đáp rằng: Xét Khổng Tử sống ở đời vua Linh Vương (Cơ Tiết Tâm 571-544 trước Tây lịch) thời Đông Chu, mất trong đời vua Kính Vương (Cơ Cái 519-476) trước Tây lịch) thời Đông Chu, tính ra sống được hơn bảy mươi năm. Đã là Thánh nhân hẳn hay hổ giúp Vương chủ ở đương thời, cơ sao trong mười bốn năm rảo bước khắp bảy mươi nước? Đến đất Tống chặt cây, đến đất Vệ đứt dấu vết, ở Trần hết lương thực, trốn lánh giết hại của Hoàn Đồi, xấu hổ kêu gọi chôn chớ? Tuy ứng sinh chư hầu, nhưng chẳng ai dùng. Ngay đời Xuân Thu, đạo văn võ suy bại, vua mờ tối tối gian xảo, lễ nhạc băng hoại. Bấy giờ không có Phật, cơ sao nghịch loạn quá lắm thế? Cướp giết do ai? Khổng Tử là tùy mị thuận thời, rụt rè lánh hoạn nạn, tuy gìn giữ vợ con muốn sống thọ trăm năm cũng không lấy vậy. Hoặc phát lời nói của Sưa Bầu, hoặc qua sông mà từ chối đối với dòng họ Lý, thương chim phụng chẳng đến sông, chẳng ra đò, kịp đến phía Tây sẵn được kỳ lân. Bèn rửa áo lau mặt, xưng đạo ta rốt cùng, tuy môn đồ có ba ngàn vị, san định kinh Thi, kinh Lễ, cũng chóng mất ở đời mà danh chẳng xưng vì sao tôi thấy ở đời sau vậy? Gặp giặc cướp làm nhục, bị kẻ trượng phu cười chê, so sánh đó mà luận đủ có thể biết vậy. Nếu cho là không ích lợi cho đời thì Khổng Tử, Lão Tử hai vị Thánh ấy cũng bệnh đó. Sao vụng về gõ đá mà chẳng trình bày Đàn-hặc vậy?

Giải đáp về chùa chiền nhiều Tăng chúng, yêu nghiệt ất vấy tạo. Như ở thời Hậu Triệu có Sa-môn Trương Quang, Sa-môn Pháp Trường

ở thời Hậu Yên, Sa-môn Đạo Mật ở Nam Kinh, Sa-môn Pháp Tú ở đời vua Hiếu Văn Đế thời nhà Ngụy, Sa-môn Tuệ Ngưu ở trong khoảng niên hiệu Thái Hòa v.v... đều là phản loạn.

Xin đáp rằng: “Kiểm xét mười sáu nước thời Xuân Thu của Thôi Hồng đều không có sắc nhân ấy. Điều đó rút từ sử sách nào? Cầu thả phát sinh vu khống, dối hoặc Quân vương, xin khám xét Quốc sử biết đó là vọng tấu. Xét ở Tiền Hán Thư và Hậu Hán Thư, tức là Côn dương, Thường sơn, Thanh nê, Lục lâm, Hắc sơn, Bạch mã, Hoàng cân, Xích my v.v... vài mươi đàn giặc, đều là người thế tục chẳng liên quan đến Thích tử, cớ sao chẳng luận? Hậu Hán Thư nói: Mẹ Đạo sĩ Trương Lão người đất Bái có nhan sắc gồm cặp quý đạo, qua lại nhà của Lưu Yên. Về sau Lưu Yên làm Thứ sử Ích Châu, nhận Trương Lão làm Đốc nghĩa Tư mã. Trương Lão cùng Biệt bộ Tư mã Trương Tu đem binh lính ép giết Hán Trung Thái thú, Tô Cố đoạn tuyệt, Gia Cốc giết Hán sử giả. Trương Lão đã được Hán Trung, lại giết Trương Tu mà bình lãng chúng đó. Bấy giờ gá mượn lời thần nói Hoàng Cân sẽ làm chủ. Trương Lão cùng Trương Giác v.v... tương ứng tập hợp bộ chúng đều đội khăn vàng, mặc y phục của Đạo sĩ có vài mươi vạn người, làm giặc hại Thiên hạ, tự chiếm cứ tại Hán Trung suốt ba mươi năm. Về sau bị Tào Công đánh phá, Hoàng y mới diệt. Bấy giờ không có một Sa-môn, riêng lắm nhiều Đạo sĩ, điểm nào không luận? Nhưng thời nhà Hán nhà Ngụy, những bậc danh tăng đức hạnh lắm nhiều cớ sao chẳng nói? Chỉ hay vấy trung xấu ác, chuyên luận sở đoản của người. Đâu là quân tử ư? Ngụy Tất nói: Trương Lão tự là Công Kỳ, ông nội là Trương Lăng đi khách đến đất Thục, học đạo trong núi Học Minh, tạo tác Đạo Thư để dối hoặc trăm họ. Người theo học đạo xuất năm học gạo, ở đời gọi là “giặc gạo” (mễ tặc). Trương Lăng chết, con là Trương Hành truyền nghiệp. Trương Hành chết Trương Lão lại hoằng truyền đó. Nên Trương Lăng là Thiên sư, Trương Hành là Tự Sư, Trương Lão là Hộ Sư, tự xưng gọi là Tam Sư vậy. Trương Lão vốn cùng Lưu Yên kết bạn lành, Lưu Yên chết con là Lưu Chương lên thay, vì Trương Lão không thuận nên giết mẹ và người nhà Trương Lão. Trương Lão bèn chiếm cứ tại Hán Trung, lấy quý đạo cảm hóa dân chúng, lấy Phù thư chương cầm làm gốc. Người đến học mới đầu gọi là quý tốt (lính quý), thọ học dùng vật vàng lụa, gọi là tế bửu. Mỗi người tự lãnh suất bộ chúng, bộ chúng đông nhiều, gọi là Thị Đầu. Người có bệnh mang đầu qua Đại đô cùng Trương Giác tương tự.

Hậu Hán Hoàng Phủ Tung truyện nói: Trương Giác ở Cư Lộc tự xưng là Đại hiền lang sư, phụng sự Hoàng Lão, thực hành thuật của

Trương Lăng. Dùng chu thuyết phù thủy để trị bệnh, sai tám người đệ tử đến bốn phương để hoằng truyền giáo hóa, lần lượt cùng nhau đối hoặc hơn mười năm, đồ chúng có vài mươi vạn. Từ tám châu Thanh, Trừ, U, Ký, Hình, Dương, Duyện, Dự v.v... không đâu chẳng ứng. Bèn đặt ba mươi sáu phương; phương như hiệu của tướng quân. Phương lớn có hơn vạn người, phương nhỏ có sáu trăm người, đối nói: trời xanh chết, trời vàng sẽ lên ngôi, đến năm Giáp tý, thiên hạ đại cát. Dùng đất trắng viết vào cửa chùa khắp kinh ấp, đều đề chữ “Giáp tý”. Ngày mồng năm tháng ba năm Trung Bình thứ nhất (184) thời Hậu Hán, trong ngoài đều nổi dậy, đồng mặc đội khăn vàng áo Hạc vàng của Đạo sĩ, hoặc giết người để tế trời. Bấy giờ giặc theo có vài mươi vạn chúng. Mới đầu nổi dậy từ Dĩnh Xuyên làm loạn, thiên hạ đều bị Hoàng Phủ Tung đánh giết. Nam Trịnh phản Hán mà Thục mất (sự việc nói trong Ngụy Thư), Tôn Ân tập tiên pháp mà bại Tấn (sự việc nói ở Tấn Thư), Đạo Dục Tiêu tế nhân mà họa Tống (sự việc nói ở Tống thư), Đinh Cát thực hành cấm mất mà nguy ách Ngô (sự việc nói ở Ngô thư), Công Kỳ học tiên mà giết người nhà (sự việc nói ở Tấn Dương thư), Ngụy Hoa phản chồng (sự việc nói ở Linh Bảo kinh tựa), Trương Lăng bỏ vợ (sự việc nói ở Lăng truyện), Tử Đãng phản cha, Vệ Thúc bỏ anh (rút từ thần tiên truyện). Trên đây là những Đạo sĩ từ xưa đến nay làm nghịch loạn.

Như vậy, xin đáp rằng: Từ Trương Lăng ba đời chuyên thực hành quỷ đạo tiểu xuất phát từ Đạo gia, Cấm yêm yêu nghiệt, vọng nói tốt xấu, gian dối do đó nổi dậy. Nhưng từ thời nhà Ngô nhà Ngụy trở xuống, thời nhà Tấn nhà Tống đến nay, đạo tục làm yêu tà số ấy chẳng ít, sao ông chỉ riêng nêu dẫn chúng tăng, mà chẳng luận đến Nho giáo và Đạo giáo? Đến như cuối niên hiệu Đại Nghiệp (617) thời nhà Tùy, Vương Thế Sung, Lý Mật, Hậu Kiến Đức, Lưu Võ Chu, Lương Sư Đồ, Lô Minh Nguyệt, Lý Quý, Chu Sán, Đường Bất, Tiết Cử v.v... cũng là người thế tục, không có ai là dòng họ Thích ở trong đó. Cớ sao chẳng nói? Sự thiên lệch, lý quanh co, đồng đảng xấu ác ganh ghét người hiền, làm kẻ bề tôi bất trung, đã rõ ràng vậy.

Phó dịch nói: Từ khai tịch trở lại, đến nay năm Tân tỵ (621) tức năm Võ Đức thứ tư thời Tiền Đường, đã có hai trăm bảy mươi sáu vạn một ngàn một trăm lẻ tám năm, cha con vua tôi lập trung lập hiếu.

Xin đáp rằng: Ông nói dòng họ Bao Hy có ba mươi đời, trị vì hai vạn hai trăm chín mươi bảy năm. Từ thời Thiếu Hạo đến Hán Cao có ba ngàn hai trăm lẻ một năm; từ Bao Hy đến Hán Cao có hai mươi chín đời, tính thời gian đó không quá hai vạn ba ngàn bốn trăm chín mươi

tám năm. Nhân gì nêu dẫn từ khi khai tịch mãi đến năm Võ Đức thứ tư (621) thời Tiền Đường đây mà chóng có hơn hai mươi bảy vạn sáu ngàn năm ư? Xét Đế Hệ Phả nói: Trời đất mới nổi, tướng trạng tợ gà con, Bàn Cổ sinh trong đó trải qua chín vạn năm, tiếp đến Tam Hoàng và dòng họ Toại Nhân trị vì hai vạn ba trăm chín mươi bảy năm. Mật thư của An Tề, Sử mục của Dương Bản nói: Năm thứ nhất của Phục Hy tức năm Giáp dần, đến năm Tân sửu (581) tức năm Khai Hoàng thứ nhất thời nhà Tùy, có sáu vạn một ngàn sáu trăm lẻ tám năm. Gồm tất cả mà nói đó, thì có thời gian mười bảy vạn một ngàn chín trăm lẻ năm năm. So sánh đó mà luận, rất là khác vậy. Xin khám xét niên kỷ chính định ngắn dài ấy vậy. Theo sự biên ghi của Kiểm Chánh sử thì dòng họ Phục Hy mới họa vẽ bát quái, trình bày giáp tý, tạo thứ kế, mới có niên thế. Từ Bao Hy trở về trước vốn không ghi tịch, tiến lùi y cứ ở đâu?

Phó Dịch nói: Xin mời tà giáo Hồ Phật trở về lại Tây Vực, phạm là Tăng ni thấy đều khiến hoàn tục.

Xin đáp rằng: Trang Chu nói: “Thánh nhân trong lục hợp luận mà không bàn nghị. Thánh nhân ngoài lục hợp còn chẳng luận”. Lão Tử nói: “Trong Hoàn Vực có bốn đại mà đạo ở đầu tiên”. Xét về chính sách của Thi, Thư, Lễ, Nhạc, chỉ muốn thâm thứ lớp luân thường, rõ bày trung liệt hiếu từ đến trước ý ở tại kính. Phụng sự quân vương, thân phụ, tung xưng là chí đức, chỉ là an đời trị dân. Giả sử khiến đạo yếu, chẳng vượt ngoài đời thuần phong đổi mỹ tục. Từ Vệ phản Lỗ, đầu thuật ngôn từ giải thoát, sáu phủ, chín trù chưa tuyên yếu chỉ cứu cánh và đàm nói dưỡng sinh tế vật. Lý thuyết long đồ phụng kỹ, cũng có thể nghĩ nhớ đức nhân, ôm giữ đức tín, tuân theo chí ý của Lệ hương, san định kinh, tán thán tượng, bày văn khuyết lý. Tiếp đến là chín phái triết học, cuối cùng là bảy lược. Căn cứ điều biên ghi các sách của Nghệ văn ở thời Tiền Hán, có một vạn ba ngàn hai trăm sáu mươi chín quyển, không gì chẳng phải công ở lợi ích gần, chỉ chưa thỏa sướng đường xa, đều tự hạn cuộc ở trong một đời, chẳng phải phóng nổi trội ngoài ba đời ấy vậy. Bèn khiến đang hiện nhân quả lý giao thiệp sớm mà còn mờ tối, nghiệp báo tốt xấu, nghĩa kinh hợp mà chưa hiểu.

Nên biết, một bộ Tiêu Diêu còn mê tình hữu hữu, hai thiên Đạo Đức chưa vào cảnh không không. Đó là hoàn khối của lục hợp, tục mưu của ngũ thường, há khỏi bốn dòng lớn tan? Làm trường của phiến não, lục thú huyền hoa, tạo nghiệp trần lao, vốn là mờ mịt thật tướng, tuân theo đạo của yếu đạo, pháp thân ngưng tuyệt, ra huyền đó lại huyền. Chỉ có Đại sư của chúng ta thể chứng diệu giác ấy, hai bên chóng xua

bỏ, muôn đức thủy viên dung, chẳng ồn não không tỉnh lặng. Sao có thể dùng cảnh trí tìm cầu chẳng phải sai trái chẳng phải mê mờ, rõ ràng có thể dùng hình danh lấy làm nhỏ thì nhỏ mà không trong, ở lớn thì lớn mà không vậy. Không ngăn mé nên hay lường pháp giới mà dấy tâm bi, đo hư không mà lập thế nguyện. Do đó, hiện sinh ở cõi uế, dẫn Thánh tại cung vua, bày thân sắc màu vàng ròng, nhả tướng ngọc hào, trải mây lành ở non Thứu thì nhà lửa tắt, thổi gió tuệ ở đánh kê thì đường tối mây tan. Đi thì sen vàng nâng gót, ngồi thì lọng báu che mình, ra thì Đế Thích dẫn trước, vào thì Phạm Vương theo sau. Tả giúp Mật thuật để diệt ác làm công, hữu đỡ Kim cang dùng lớn thiện làm chuyên. Thanh văn, Bồ-tát nghiêm nhiên như tôi hầu, tám bộ muôn linh liệng quanh hộ vệ. Diển kinh Niết-bàn thì đất hiện sáu thứ chấn động, giảng Bát-nhã thì trời mưa bốn thứ hoa. Trăm phước trang nghiêm, tướng trạng như trăng tròn đến trên biển cả, ngàn ánh sáng tỏa chiếu tợ ánh ngời núi của vầng nhật. Rỗng một tiếng Sư tử thì ngoại đạo nhụt bén nhọn, trống pháp tam gióng thì Thiên ma cúi đầu. Cho nên tôn xưng Phật là Pháp Vương. Đâu thể cùng như thời nhà Chu suy yếu Ca-diếp sánh đức tranh hành, đời mạt Nho đồng tạm cùng liên loại ấy vậy. Chính vì trên trời dưới trời riêng xưng tôn Điều Ngự, ba ngàn Đại thiên đều ngưỡng đơm từ bi, nhưng mà lý vượt sâu xa, mượn lưới nơm mà tỏ ngộ sâu, giáo môn thiện xảo, nhờ thấy bạn mới thông. Gồm tất cả giáo pháp ấy có đến tám vạn bốn ngàn tạng. Xét về đạo ấy thì có Nhị Đế, Thập địa được giảng ở Kỳ viên Lộc uyển; diệu chỉ ở Hải điện Long cung, chữ của Ngọc điệp Kim thư, lời của bảy xứ tám hội, không gì chẳng duỗi ban chí đạo đến trăm vua, quạt thổi gió huyền từ muôn xưa. Như ngữ thật ngữ không thể nghĩ bàn vậy. Gồm thì an nước lợi dân, xa thì vượt phàm chứng Thánh, nên hay hình biến khắp sáu đường, giáo khắp mười phương, thật là thế giới ruộng phước. Bởi vì đó là nơi quy hướng của muôn sinh, đến lúc đồng bạn kính tin tợ thất diệu xoay quanh Bắc đẩu. Đồ chúng thọ nhận cảm hóa tợ muôn sông chảy vào biển lớn. Xét về công nghiệp thần biến ấy, lợi ích trời người, nên không được mà xưng gọi tên vậy. Đã đầy đủ nhân của Hằng sa nên được quả thường lạc. Tốt lành thay! Chẳng thể lường vậy!

Chỉ vì thời vận chưa dung thông, bèn khiến Hồ Hán khác cảm. Do đó ở phương Tây trước kính phụng âm thanh hình tướng, ở phương Đông tạm được lợi ích của thấy nghe. Kịp đến lúc mây từ cuộn đơm nhuần, Tuệ Nhật gom thấu ánh sáng mới có ứng mộng người vàng ở trong niên hiệu Vĩnh Bình (58-76) thời Hậu Hán, trông thấy xá lợi ở trong niên

hiệu Xích Ô (238-251) thời Đông Ngô. Từ đó chính sách các thời nhà Hán nhà Ngụy nhà Tề nhà Lương, tượng giáo mạnh mẽ hưng thịnh. Các xứ Yên, Tần, Tấn, Tống danh Tăng xuất hiện. Hoặc đắp họa hình tướng mãn nguyệt ở bên cạnh Lương đài, hoặc dựng bày tượng luân ở ngoài Ung môn. Kịp đến lúc ở Hà bắc phiên dịch ngôn từ, ở Hán nam biên trước ghi lục, đạo phát khởi ba phủ, tin hợp đượm chín châu. Vượt Giang tả mà càng rộng, qua Kim lãng mà càng thanh. Vị thủy đủ đầy vườn Tiêu dao, Lô Nhạc gồm cả Đài Bát-nhã. Văn từ sâu sắc yếu chỉ nhiệm mầu, phát vượt lai nghi. Cao Tăng thực học bỏ liên lụy từ xa đến.

Đến đời vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550) thời Nam lương, Tam giáo liên hành. Đến đầu đời vua Văn Đế (502-605) thời nhà Tùy, Tam thừa đều giá, tuy ở Tử cực mà tình hợp Phần dương, lãng rượu thịt mà khơi động người ăn chim, xông ướp hương giới mà đượm vị pháp hỷ, sợ bốn lưu nạn nhỏ thân, dùng tài năng bảy biện mà gìn giữ, mới khinh thường nghiêm sức áo mào mà ngự mặc nhiễm y, bỏ kiêu khắc chạm mà trải tòa cỏ. Từ đó rộng mở nghiệp của Tuệ Đài, lớn tạo xây nền móng tháp (Lương Ký nói: Đông Đài Tây phủ tiếp liền nhau hơn tám mươi năm, tại Đô ấp chùa lớn có hơn bảy trăm ngôi, chư tăng giảng chúng thường có cả vạn người, thảo luận nội điển cùng tuân theo Thánh nghiệp, lâu dài không mỏi mệt, mỗi mỗi đều nhằm chán vinh hoa thế tục vậy). Bèn khiến các hàng hào tộc ở khắp năm đô nhằm chán mũ mào mà chí thành, danh gia khắp bốn biển bỏ vinh hoa mà vào đạo. Từ nơi chốn của Hoàng vương ở, đến cảnh vực Thanh giáo đượm nhuần, không ai chẳng đánh lễ xoay hướng đến, năm vóc gieo sát đất tựa nương. Sâu xa của lợi vật đến đã lâu vậy. Khổng Tử đuổi ban cảm hóa sao có thể sánh cùng?

Căn cứ truyện ký của các bậc Cao tăng Danh tăng Mâu Tử v.v... của ba mươi sáu nước thời Xuân Thu, mới đầu từ năm Vĩnh Bình thứ mười (67) ở đời vua Minh Đế (Lưu Trang 58-76) thời Hậu Hán trở lại, Phật pháp lưu truyền đến phương Đông, chính sách trải qua mười đời gần sáu trăm năm, mà các bậc Danh tăng đại đức chỗ người đời tôn kính có hai trăm năm mươi bảy vị. Bên cạnh đó lưu xuất gồm kể thấy đến Công vương ở Yên Triệu, khanh tướng ở Tề Lương v.v... có hai trăm năm mươi vị, gồm cả thấy có năm trăm lẻ tám vị. Trình bày về hạnh nghiệp của những vị ấy mở lớn thành mười khoa: Một là phiên dịch kinh điển, hai là giải nghĩa, ba là thân di, bốn là hành tập thiền pháp, năm là thông rành giới luật, sáu là thí xả thân mạng, bảy là tụng kinh, tám là tu đạo phước nghiệp, chín là kinh sư, mười là xướng đạo. Những bậc

Cao tăng ấy v.v... đều là đức sánh bốn y, công đủ ba nghiệp. Giáo pháp hoàng truyền ở Chấn Đán thật nhờ đó vậy. Tà kiến ẩn mà chẳng luận, chỉ nói ba, năm điều xấu ác.

Phàm trong núi Tuyết vốn có nhiều cam lồ mà cũng có cỏ độc, giữa biển lớn tuy có đủ châu báu mà cũng lắm nhiều quỷ La-sát, dụ như Côn sơn khuyết ở phiến thạch, sánh ở Trịnh Lâm tổn mất một cảnh vậy. Đâu có gì lấy làm quái lạ mà khiến phế trừ đó?

Một là Sa-môn phiên dịch kinh điển (có năm mươi hai vị); Hai là Sa-môn giải nghĩa (có chín mươi chín vị); Ba là Sa-môn thần dị (có hai mươi vị); Bốn là Sa-môn hành tập thiền pháp (có hai mươi ba vị); Năm là Sa-môn thông rành giới luật (có mười ba vị); Sáu là Sa-môn thí xả thân mạng (có mười một vị); Bảy là Sa-môn tụng kinh (có hai mươi hai vị); Tám là Sa-môn tu tạo phước nghiệp (có mười bốn vị); Chín là Sa-môn kinh sư (có mười một vị); Mười là Sa-môn xướng đạo (có mười vị).

Với những vị Sa-môn ấy v.v... hoặc giã vượt lưu sa hiểm trở, hoặc nổi chìm giữa sóng cả, đều có thể mặc tình tánh mạng, quên mất thân mình vì đạo. Hoặc dùng sức thần cứu đời, hoặc dùng vết lạ để khơi phát lòng người, hoặc tuệ giải mở áo, hoặc thông cảm thích hóa. An thiền tĩnh lắng thì công đức như rừng, cấm giới thanh cao thì băng sương càng nghiêm khiết, tạo tu phước thiện thì thâm hộ vệ có thể mong cầu, phúng tụng kinh pháp thì u hiển đượm nhuần mừng vui. Từ đó Tam tạng bốn bộ A-hàm công dụng càng sâu rộng; Phương đẳng, Bát-nhã giữ tin lắm nhiều, chỉ bởi thần hóa gồm cả, không nơi xa nào không đến. Thông hà như chỉ khoảng nửa bước chân, Thanh quang có hạng của thấy nghe, há chẳng phải thời diệu vậy? Đến lúc duyên vận gần cảm, tượng giáo xa thông, hoặc xưng gọi đó là đại thần ở Tây Vực, hoặc tôn xưng đó là chủ của Diêm phù. Do đó, Tôn giả Ca-diếp Ma-đăng cặp sách mà ứng đến, Tôn giả Trúc Pháp Lan mấn mộ đạo mà giảng đức. Pháp sư Cưu-ma-la-thập là bậc thạc học móc sâu, thần xét xa vời, đến lúc vân du khắp Trung Hoa Ấn Độ, học đủ các thứ phương ngôn. Đồ chúng thọ học có đến ba ngàn, người vào thất có tám vị tuần kiết. Đó là các Sa-môn Đạo Sinh, Đạo Dung, Đàm Ảnh, Tăng Duệ, Tuệ Nghiêm, Tuệ Quán, Đàm Hằng, Tăng Triệu, đều lãnh ngộ trước lời nói, ngôn từ thoảng tỏa mùi lan quế, nắm bút vâng thừa yếu chỉ, nhận được người ấy.

Ở thời nhà Tấn, có Sa-môn Thích Đạo An vang danh ở đương thời, học trò là Phật Đồ Trừng, truyền nghiệp đến Sa-môn Tuệ Viễn, môn nhân ngày một đông nhiều, ở đời không thiếu hiền giả. Đủ khiến

cho Tuần quận Tà An suy tôn đó là Thần Tuấn, Tập Úc ở Tương dương khuất ngã trước Di thiên.

Từ đời vua Huệ Đế (Tư Mã Trung 290-307) thời Tây Tấn, bụi trần mờ mịt, tiếp đến đời vua Hoài Đế (Tư Mã Sí 307-313), vua Mẫn Đế (Tư Mã Nghiệp 313-317) thời Tây Tấn, đời Bá Yết Hồ, trúng độc giặc cướp lan tràn khắp trung châu. Lưu Diệu cướp nghịch ở trước, Thạch Lạc tiếm hung ở sau, Hoa Hạ phân chia nát đổ, nhân dân thán oán. Thánh sư Phật Đồ Trừng xót thương giết hại ấy, mới đầu lo lắng hại đến chưa ương, bèn thiết bày thần hóa ở Cát phá, hiện chỉ Huyền ký ở Tương nghiệp, mượn bí chú để cứu giúp mạng tận, phỏng hương khỉ mà đỡ vượt lâm nguy, xem linh ánh tay, an định tốt xấu, cuối cùng khiến Thạch Lạc Thạch Hồ phát tâm, muôn dân thoát khỏi hại (trong truyện Phật Đồ Trừng nói: Phật Đồ Trừng ở tại đất Hán hai mươi lăm năm, các huyện nơi trải qua đều xây dựng chùa Phật có tám trăm chín mươi ba ngôi, sống thọ một trăm mười bảy tuổi mới thị tịch. Bấy giờ dòng họ Thạch hung bạo mạnh dữ ngược hại vô đạo, nếu chẳng đồng thời với Phật Đồ Trừng thì ai có thể nói ư? Trăm họ nguy ách chết mất mà được còn tánh mạng, thật không thể xưng ghi). Kịp đến lúc để chân trần lên mũi nhọn chẳng tổn thương. Di pháp vì đó lại bắt đầu lên chí phân thân nơi vườn nhà. Các Đế vương vì đó càng thêm kính tin, đầy đủ ở các sử sách có thể rõ ràng vậy. Không gì chẳng công trùm tương lai, truyền đăng trọn kiếp!

Người bàn nghị xin nói thêm là: Chư tăng tiếp nối làm lớn mạnh dòng Thánh, Phật thì thâm hỗ giúp nước nhà, phước chở che cơ đồ Hoàng nghiệp, hẳn không lý lùi phước ấy vậy. Ứng lúc Đại Đường chúng ta có được thiên hạ, đáng hợp với hai mươi tám vị sao, an vận cứu ngũ. Đức giúp nguy cứu đời vượt hẳn vua Thang Võ mà riêng cao, công dẹp hung đánh loạn, vượt hẳn thời Hán Ngụy mà riêng bày. Mệnh mông thay! Cao vợi thay! Khó thể tán thán hết vậy. Thêm vì lưu tình đối với Phật pháp, giáng ý nơi Huyền môn, tạo tượng kiết kinh độ tăng lập chùa, các thứ công đức, Đàn-việt mọi nơi. Lợi ích Hoa Nhung, dẫn dắt dân chúng, mới muốn dấy khởi chính sách của Thượng hoàng, mở mang đạo Chánh giác. Xem thường Ngũ đế đông, từ trước đến đây chỗ thuật lời ướm của tà kiến, đều là chỗ chẳng dung của đất trời, chỗ nhân luận đều bỏ. Sợ mảy trần phiền nhọc Thánh xét, chẳng đáng đủ khả quan.

Cúi nghĩ, chỉ Bệ hạ trải ân ngậm lớn, rữ huệ dưỡng nuôi, xin xét sự nghịch thuận ấy, bàn nghị lấy thật hư! Kinh Niết-bàn nói: “Sau khi Phật diệt độ, giáo pháp hẳn giao phó cho Quốc vương”.

Bệ hạ giờ đã lâm chánh, đúng hợp lời phó chúc. Cúi mong dứt tuyệt tà thuyết ấy, khiến tượng giáo hưng thịnh lưu hành, quân tử thông bác cao nhã, đạo nhân chánh kiến nghe đó, mới cùng giữ chặt cổ tay, đè ép nắm tay liết hàng mà làm luận như vậy! Mạnh Tử có nói: “Tôi đâu ưa thích biện bày ư? Tôi chỉ chẳngặng đừng vậy”. Phàm, hư vọng hiển bày nơi chân, thật lục loạn nơi nguy. Người đời không tỏ rõ phải quấy, chẳng phân định đố tía, xen tạp sỏi ngọc, lẫn lộn thóc trấu, lấy tình mà nói đó, đây phải chỗ tâm tôi hay nhấn vậy! Khổng Tử lại nói: “Thi nhân bệnh đó chẳng thể điếm, binh lính bệnh đó chẳng thể phục”. Lấy đó mà luận, phàm, ngọc lẫn lộn nơi đá, người không thể biện biệt. Phải trở lại làm quấy, hư chuyển nên làm thật, sao có thể chẳng nói ư? Xét khảo, Vương giả giáng linh, hoặc sao đỏ xuyên trăng, hoặc trường cầu vòng nhiều chớp, hoặc Xích Tước ngâm thư, hoặc Tố Linh khóc đêm, đeo hơi khí của rồng mây, ngâm ảnh tượng kỳ lạ, đều có mạng trời, chẳng phải do người vậy.

Hoặc có người hỏi: Cớ sao Chu thông lịch ấy, Tần chẳng kịp kỳ? Xin đáp rằng: Phàm, minh lý khó biết, tình người dễ lầm hoặc. Kiểm xét chỗ kết quy ấy, lược rõ ràng đó vậy. Cớ sao? Xưa kia, Tống Cảnh tu đức giữ tâm bền thối lui, Đinh Lan đốc hiếu, Mộc Mậu buông nhan, chỉ khiến tinh chuyên vui mừng tốt lành có thể thấu đạt, hẳn có thể nghiêm khiết ở chính mình thì tai họa tự mất. Đáng tin thay lời nói ấy vậy! Quán sát ở thời Văn, Võ, Thành, Khương trị đạo hưng thịnh thanh bình, bởi vốn tích thiện gieo phước cho đời sau, do đó thông lịch vậy. Còn Tần Thủy Hoàng lúc ở ngôi đốt sách chôn học trò, ác độc thiên hạ, đờn đến hai đời, đánh giết càng rất lắm, muôn dân lạnh lòng, tay chân không chỉ chỗ trên trời giáng họa, nên chẳng kịp kỳ vậy. Địch nói: “Nhà tạo điều bất thiện, ương họa hẳn có thừa”, tức là nghĩa ấy vậy. Nên biết, Lý hưng thịnh hay hủy diệt chẳng liên quan tài năng sức lực, mà đều bắt từ nhân trước, vả lại do hành nghiệp, tin đó làm minh chứng vậy. Gần đây, như vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561-579) thời Bắc Chu, nhận biết sai lầm phá chùa dẹp Tăng. Qua thời gian không bao lâu, sau nối dõi bèn diệt mất. Trộm thấy: Vua Văn Đế (Dương Kiên 581-605) thời nhà Tùy lúc vừa mới sinh liền có Thần Ni võ về nuôi dưỡng. Về sau, Thiên sư Vi Thật xét xem nói là sẽ làm Bá vương. Đến lúc lên ngôi, rộng phát huy Phật giáo, độ Tăng Ni xuất gia, bốn bộ đông đúc, tam học lắm nhiều, an tâm hành đạo để báo ân nước nhà, lên tức tạm dứt chiến tranh, mỗi ngày dần đến sung túc an lạc, tốt lành linh ứng, sử chẳng tuyệt ghi. Bốn biển không sóng, lục hợp đồng vui mừng, sau phong Thiên đại nhạc, đời

thấu đạt thái bình. Đến đời vua Dương Đế (Dương Quảng 605- 617) thời nhà Tùy, dẹp phá chùa tháp, xua đuổi Tăng Ni, tạo tác xa hoa, vạn điều quá độ. Trời rũ hải ngoại, tự thân chinh hành họa lây kẻ vô tội, ương bộc thân thế, việc trước mắt ấy có thể ứng nghiệm sao phải đợi tương lai? Luận Hành nói: Tục Nho khéo sở trường xưa mà sở đoản nay. Lời tốt lành thì đơm thắm trước mà mỏng dạt sau, chẳng phải đối đẹp xưa trước mà thật luận trách nay. Tin ngụy từ lâu xa, chợt việc thật ở gần nay, chẳng biết chỉ cốt yếu của ngựa, mà vua tranh đàm nói của Nho Mặc, bệnh cao mạnh nên khó trị vậy.

Lớn lao thay! Giáo pháp dòng họ Thích bao trùm ba đời xuyên suốt bốn dòng, mới liệt bày Thái hư của muôn tượng, thí như tám sông xuôi đổ về biển lớn. Đến như rộng tìm tử sử đọc xem kinh cáo. Điển pháp của sáu tông bảy miếu, nghi thức của năm nhạc bốn vọng, văn từ của khuông son bằng vàng, ghi ký của danh sơn thạch thất, vở sách của Ngọc kiểm chi nê, thư khế của vân đài lâu các. Từ phân chia đục trong trở lại, sau điều mô trùng tích, rộng thoáng rục rỡ đất tư lậ, trước Thiên hoàng nhân đế, chỗ chỉ huy của Đẩu tiêu, nơi tỏa chiếu của vầng nhật, kiệu đất xoay rộng, góc trời xa dài. Bỏ giúp ngao linh của chiết trụ, khác lạ của khắc núi rạch biển, đạo của lập công lập đức, ngôn từ của một âm một dương, chỗ nền tảng của lúa nếp được thạch, chỗ mới đầu của áo xiêm cung thất, điển pháp của Tham Huyền kỷ hoàng, chế định của năm lễ sáu nhạc, phép tắc của khuyên bá hoa nương, oai phong của vua Thang chinh chiến, vua Võ đánh dẹp. Ông của dây vàng mưa lễ, giả của khóc lân thương phụng, không gì chẳng là sự trong hoàn cực, Lý giữa vực cùng ấy vậy. Đâu biết cõi trên trình bày hoạn của nhị tử (hai thứ chết), phương dưới bao gồm buồn lo của ba đường. Biển khổ nổi chìm, sông ái dài xa.

Do đó, đấng Đại từ xuất hiện nơi đời dẫn dắt các loài quần sinh ấy, mở cửa ải tám chánh đạo, chỉ bày đường lối năm thừa, tuyển yếu chỉ y phục nhần nhục châu báu giới luật, mở khuôn phép Ưu-ba-mộc-xoa. Bèn khiến thể thí cho chim bay, thân xả cho thú chạy. Khấp nước thành đô mới cởi giày đó, kiêu nga mạn kiểm tợ bỏ mảy trần. Chánh muốn bỏ bốn rần này dứt tám khổ ấy, trọn dứt sinh lão bệnh tử, không trở lại oán gặp thương xa, một bãi nhận thọ hình xa dài từ khí độc. Hướng gì điện báu ngàn hoa, gần gọi cung trời, lâu quý sáu hợp; xa xứng nước tịnh, cây ngọc tám hàng. Lầu vàng bốn trụ, thức ăn ngon lành trăm vị, y phục nhẹ ba thù, rục rỡ nhẹ nâng không phiến gió liệt tử, êm hòa cười ca nào nhân thối của tiêu sử. Nên biết, buộc kiệu xe ngọc hổ ngồi sáng nơi Tử

phủ, Huyền sương giáng tuyết thẹn hình thể ở Ngọc kinh

Phàm, Thích-ca, Trung Hoa phiên dịch nghĩa là Năng Nhân, tức là đức đầy đạo đủ kham cứu giúp muôn vật. Nhưng pháp thân có hai nghĩa: Một là chân thật, hai là quyền ứng. Chân thân nghĩa là thể của chí cực, diệu tuyệt buộc lụy, không được lấy phương xứ mà mong cầu, không thể dùng hình lượng mà hạn định, có cảm thì ứng, thể thường trạm nhiên. Ứng thân là nhiều kiếp tu hành nhân, muôn đời mong cầu quả, lần cùng sáu đường, đồng chung muôn loại, sinh diệt tùy theo thời, ngắn dài vì vật, hình do cảm sinh, thể chẳng thật có. Hình phương tiện tuy tàn tạ nhưng pháp thể chẳng đổi thay. Chỉ vì thời không diệu cảm nên chẳng được thường thấy. Ở đời nói rằng: Người nước Lỗ còn chẳng quý nhà Khâu ở phương Đông, tà kiến đâu tin có Phật ở phương Tây? Rễ sâu khó nhổ, thật đáng buồn thương thay!

Hoặc có người hỏi: Há lại như vậy ư? Xin thí dụ ý chỉ đó! Kê luận bàn tôi đây xin đáp: Ông chẳng nghe ư? Phàm, người mù, không thể đem văn chương để cho xem. Kê điếc, không thể dùng âm thanh chuông trống để cho nghe. Bởi biết sống cả mười ác để rồi động nguồn tâm, cánh nhánh muôn thiện khó suy tìm câu ý. Bởi vì phàm phu điên đảo, khát ái thiêu đốt, vọng tưởng men duyên, thân tâm phóng túng, khởi dậy sóng ngũ dục, trôi dạt sống nhị tử, thường ở bờ đen tối, dưới đáy sóng vô minh, đêm dài mê ngủ ở trong nhà mộng, chẳng tỉnh giấc say xoay về ban ngày, đâu biết sắc màu của mê loạn? Mờ tối trọn kiếp, làm kẻ trộm sống, mới lại đuổi theo thầy tà, thân gần bạc ác, voi điên gầm hét, phóng túng tâm khí. Khởi dậy sáu mươi hai thứ tà kiến như núi; nổi trôi chín mươi tám thứ kiết sử như biển, say đắm hành xí, mền mệ vẽ bình, quạt gió tám ma, thổi lửa ba độc, phóng giặc sáu nhập, trộm thành năm ấm, chẳng lo nguy ách của hai chuột, thường dấy cuồng nộ của bốn rắn, tin mắt của trâu dê ấy, phát hung của kiêu kích đó. Từ đó dựng cờ ngã mạn, tiếng từ trống lớn vụt lấp miệng hủy hoại xưng dương, khoe khoan đàm luận của Nho Mặc, trái ngoài làm trong, lộn xiêm làm áo, hư bại phong tục, thương tổn chánh chân. Bọn bè đầu loạn, lãng nhục Tam bảo, khinh thường song thân. Xem nhẹ mình kỳ, quở trách mưa gió. Cùng với quỷ thần làm kẻ thù oán, đối với cốt nhục làm nên ganh ghét, tự kiêu tự cao, bất nhân bất hiếu, cậy chỗ thấy qua lỗ hổng, ngu dốt cho đó là chỉ nam. Nào khác gì cam mang thối rửa của loài ruồi giòi, gặm ăn thịt chuột thối nát của loài cú quạ. Lấy đức làm tốt đẹp, rất đáng sợ thay! Chẳng phải lo nghĩ khổ tội của tương lai, chẳng sầu buồn quả báo ở địa ngục.

Than ôi! Tai họa của phóng túng một đời, chuốc lấy ương khổ muôn kiếp. Đến nỗi khiến đắm chìm trong đường tối, giẫm trải qua đường ác, vào lưới của chó đồng rấn đồng, ở thành tám lạnh tám nóng, cửa xé cọ mài, lò đốt vạc nướng, ăn than ăn lửa, nuốt tuyết nuốt băng, nơi nơi thiêu đốt, tâm tâm khổ sở, trăm loài khoét chín lỗ quần loạn dao nhọn, năm tạng bốn chi phân rạch kiếm sắc. Sở dĩ như vậy đều do bài bác không nhân quả, phỉ báng xuất thế gian, phá hòa hợp tăng, không tin chánh pháp, bởi chỗ rễ sâu tà kiến khiến nên như vậy. Huống gì bỏ thân thọ thân, thường buộc trong ba cõi, từ địa ngục đến địa ngục chẳng lìa ba đường khổ. Đức Đại Thánh quán sát vậy rồi dấy khởi tâm thương, bậc Chí Nhân vì đó mà xót xa. Nên biết, lý của thiện ác như âm vang theo tiếng, ứng nghiệm của quả báo thì tự bóng theo hình, có thể chẳng cần trọng ư?

Chiếu Văn nói: Vất râu tóc của cha mẹ, bỏ chương phục của vua tôi, lợi ở trong môn nào? Ích tại ngoài tình nào? Về hai thứ tổn hại và ích lợi ấy, xin giải thích rõ?

Xin đáp rằng: Pháp Lâm tôi nghe: Chí đạo dứt tuyệt ngữ ngôn, đâu phải chín phái triết học có thể biện giải. Pháp thân không ảnh tượng, chẳng phải chỗ thuyết bày của mười dục. Chỉ vì bốn thú mênh mông nổi chìm trong biển dục, ba cõi xuẩn động, lộn rơi núi tà. Các ông mê vì tự thiêu đốt, phàm phu đắm chìm mà chẳng ra. Đức Đại Thánh vì vậy xuất hiện nơi đời, bậc Chí Nhân vì đó mà giáng điềm linh, bèn mở cửa giải thoát, chỉ đường lối an ổn. Khi ấy, từ dòng vua chúa, chủng tộc Sát-đế-lợi, từ giả ái ân mà xuất gia, dòng họ cao quý ở Thiên Trúc, nhằm chán vinh hoa mà vào đạo. Vì vậy, Thái tử Tất-đạt-đa vất bỏ áo cổn long mà mặc y phục ruộng phước, thề nguyện ra khỏi hai thứ sinh tử, chí ý mong cầu một diệu Niết-bàn, hoàng truyền đạo pháp để báo đáp bốn ân, nuôi dưỡng phước đức để giúp ba cõi. Với lợi ích như vậy, trong phẩm xuống tóc xuất gia ở kinh Phật Bản Hạnh có bài kệ tụng rằng:

*“Giả sử ân ái chung sống lâu
Đến lúc mạng hết phải xa lìa
Thấy là vô thường trong khoảnh khắc
Cho nên ta nay cầu giải thoát”.*

Sau đó, người mến mộ đức ấy mà bỏ ác để lập thân, kẻ khâm trọng mỹ phong ấy nghiêm khiết chính mình mà tu thiện. Hủy bỏ hình hài để thành chí nguyện đó, nên cạo bỏ râu tóc dung nghi đẹp xinh; biến đổi thế tục để hợp đạo đó, nên bỏ hoa báo vua tôi. Tuy thân mình

thiếu khuyết phụng sự thân thích mà trong lòng ôm hoài đạo hiếu ấy, lẽ trái với tôn thờ chúa mà tâm mãi nghĩ nhớ ân ấy. Đợm nhuần khắp kẻ oán người thân để thành đạt thuận lớn. Phước đợm cả thuyết hiền đâu hạn cục trái nhỏ. Người thượng trí y theo lời Phật nên làm lợi ích, kẻ hạ phàm trái với Thánh giáo nên làm tổn hại tội khiên. Xấu ác thì kẻ lạm tự mới, tinh tấn hiền thiện thì người thông cảm hóa.

Cúi nghĩ, chỉ Bệ hạ là bậc chí đức trùm rộng, tâm nhân dưỡng nuôi, bèn lại giáng tình đến với chánh pháp, lưu ý đối với người xuất gia, trải rộng mây từ, trùng hưng Phật nhật, đạo của lợi ích khó được mà xứng. Đó tức là đế nghiệp Đại Đường thương khắp muôn linh, Hồng cơ Thánh chủng ban dài ngàn năm. Nay tôi chẳng dám khinh lấy ý ngu, nhẹ lường tâm trời, kính cẩn bày tỏ lời kẻ dong ngu lược nói điều thấy biết nhỏ hẹp, mảy trần nhuốm dơ ngực giám, càng thêm lo sợ. Kính cẩn đối luận!

